

SO SÁNH SỐ LƯỢNG TIẾN SĨ VÙNG NGŨ QUẢNG TRÊN BIA VĂN MIẾU HUẾ ĐỂ TÌM HIỂU ĐÂU LÀ ĐẤT HỌC

Phan Thuận An*

Ngũ Quảng là địa danh từng được dùng vào đầu thế kỷ XIX để gọi tắt 5 đơn vị hành chính cấp tỉnh ở miền Trung Việt Nam, kể từ bắc xuống nam là Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Đức, Quảng Nam và Quảng Ngãi. Đến năm 1822, dinh Quảng Đức được đổi tên thành phủ Thừa Thiên, rồi từ năm 1945 là tỉnh Thừa Thiên như bao nhiêu tỉnh khác trong nước.

Nếu trong khuôn viên Văn Miếu Hà Nội còn bảo lưu được 82 tấm bia Tiến sĩ thời Lê thì trên sân Văn Miếu Huế cũng còn tồn tại 32 tấm bia Tiến sĩ thời Nguyễn. Trên những bia đá này bên bờ Sông Hương, triều đình nhà Nguyễn đã cho khắc ghi tên tuổi và quê quán của 293 người trong cả nước thi đậu Tiến sĩ (hạng chánh bảng) trong 38 khoa thi Hội, từ khoa đầu tiên năm 1822 thời Minh Mạng đến khoa cuối cùng năm 1919 thời Khải Định. Trong số họ, chúng ta có thể đọc thấy tên tuổi của những danh nhân lịch sử và văn học như Phan Thanh Giản, Phan Đình Phùng, Nguyễn Khuyến, Nguyễn Thượng Hiền, Chu Mạnh Trinh, Đào Nguyên Phổ, Ngô Đức Kế, Trần Quý Cáp, Huỳnh Thúc Kháng...



Đại Thành Môn ở Văn Miếu Huế (Ảnh PTA).



Tòa miếu chính nhìn từ Đại Thành Môn.
Ảnh Nguyễn Khoa Lợi, chụp năm 1965.

Để xem Thừa Thiên Huế dưới triều Nguyễn có phải là đất học hay không, chúng tôi thử làm một đối sánh hẹp về số lượng Tiến sĩ của 5 tỉnh lân cận nói trên được khắc tên trên bia đá ở Văn Miếu Huế bằng cách thiết lập 5 danh sách biệt lập về họ. Khi thực hiện 5 danh mục này, chúng tôi dựa vào các nguồn tư liệu sau đây: Một là bia đá trên thực địa (dù nhiều chữ đã mòn). Hai là những bản dập trên giấy dó do Trường Viễn Đông Bác Cổ Pháp tổ chức thực hiện trước năm 1945, nay đang được lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm ở Hà Nội.

* Thành phố Huế.

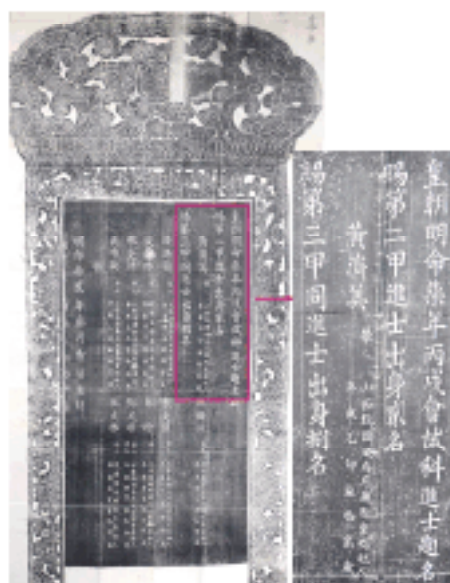


Dãy nhà bia bên phải (nhìn từ trong ra).

Dãy nhà bia bên trái (nhìn từ trong ra).



Cận cảnh dãy bia bên trái (nhìn từ trong ra).



Bia khắc tên các Tiến sĩ khoa Bình Tuất, Minh Mạng thứ 7 (1826). Bia thứ 2 của dãy bên trái. Bản dập của Trường Viễn Đông Bác Cổ.

Ba là danh sách những sĩ tử trúng tuyển các khoa thi Hội được ghi rải rác trong bộ *Đại Nam thực lục*. Bốn là các sách viết về khoa bảng triều Nguyễn mà quan trọng nhất là sách *Quốc triều khoa bảng lục* (bằng chữ Hán) của Cao Xuân Dục và bản dịch của Lê Mạnh Liêu (do Bộ Quốc gia Giáo dục xuất bản ở Sài Gòn vào năm 1962).

Mặc dù tất cả các tòa nhà chính và phụ ở khu Văn Miếu Huế đều đã điêu tàn, nhưng 32 tấm bia Tiến sĩ vẫn còn tồn tại và được dựng thành hai dãy trên sân tòa miếu chính ngày xưa. Mỗi dãy 16 tấm, hai dãy đứng dọc ở hai bên sân và đối diện nhau. Các bia được sắp theo thứ tự niên đại và thời gian, từ trong ra ngoài và từ trái qua phải (theo hướng từ tòa miếu chính nhìn ra Sông Hương).

Để thấy được số lượng các vị Tiến sĩ của 5 tỉnh ở đó một cách cụ thể, chúng tôi xin liệt kê danh tính của các vị ấy thành 5 danh sách khác nhau, trong đó có ghi kèm một số chi tiết cần thiết: quê quán, năm sinh, năm thi đậu, số thứ tự bia. Riêng những địa danh chỉ quê quán của các vị tiến sĩ bấy giờ có thể đã được thay đổi bằng những tên làng (thôn, phường, giáp) và tên huyện khác do sự biến thiên về ranh giới và tổ chức hành chính địa phương bởi các chế độ chính trị khác nhau trong gần hai thế kỷ vừa qua.

Các vị Tiến sĩ người Quảng Bình trên bia Văn Miếu Huế

STT	Họ tên	Quê quán		Năm sinh	Năm đậu	Số TT bia
		Làng	Huyện			
1	Nguyễn Cửu Trường	Hoàng Công	Lệ Thủy	1807	1838	6
2	Phạm Chân	Cảnh Dương	Bình Chính	1804	1838	6
3	Hồ Văn Trị	Quy Đức	Bố Trạch	1815	1841	7
4	Ngô Khắc Kiệm	Lộc Điền	Bình Chính	1815	1842	8
5	Nguyễn Duy Cần	Lý Hòa	Bố Trạch	1794	1842	8
6	Nguyễn Dương Huy	Mỹ Hòa	Bình Chính	1813	1844	10
7	Nguyễn Đăng Hành	Phò Chánh	Lệ Thủy	1823	1848	12
8	Lê Hữu Lệ	Cổ Hiền	Quảng Ninh	1827	1848	12
9	Vũ Văn Xán	Hòa Luật	Lệ Thủy	1821	1848	12
10	Nguyễn Bằng Dục	Cảnh Dương	Bình Chính	1806	1849	13
11	Nguyễn Quốc Thành	Lộc Điền	Bình Chính	1822	1851	14
12	Phạm Nhật Tân	La Hà	Bình Chính	1811	1851	14
13	Trần Văn Hệ	La Hà	Bình Chính	1828	1851	14
14	Trần Văn Chuẩn	La Hà	Bình Chính	1836	1862	18
15	Phạm Duy Đôn	Thanh Thủy	Mình Chính	1811	1865	20
16	Lê Đại	Phan Xá	Phong Đăng	1838	1869	20
17	Phan Văn Khải	Tả Thắng	Lệ Thủy	1854	1889	23
18	Tạ Hàm	La Hà	Tuyên Chính	1856	1892	25
19	Trần Văn Thống	La Hà	Tuyên Chính	1871	1901	26
20	Nguyễn Duy Tích	Lý Hòa	Bố Trạch	1879	1901	26
21	Nguyễn Duy Phiên	Lý Hòa	Bố Trạch	1885	1907	28
22	Lê Chí Tuấn	Lâm Xuân	Tuyên Chính	1871	1907	28
23	Nguyễn Ngọc Toàn	Đơn Sa	Bình Chính (?)	1888	1916	31
24	Vũ Khắc Triển	Mỹ Lộc	Phong Phú	1883	1919	32

Các vị Tiến sĩ người Quảng Trị trên bia Văn Miếu Huế

STT	Họ tên	Quê quán		Năm sinh	Năm đậu	Số TT bia
		Làng	Huyện			
1	Nguyễn Đức Hoan	An Thơ	Hải Lăng	1805	1835	5
2	Nguyễn Thế Trị	Hương Liệu	Đắng Xương	1804	1835	5
3	Lê Đức	Sa Lung	Mình Linh	1812	1841	7
4	Nguyễn Xuân Thọ	Đơn Duệ	Mình Linh	1808	1841	7
5	Nguyễn Phiên	Xuân Mỹ	Mình Linh	1814	1843	9
6	Nguyễn Chương	Vĩnh Hòa	Đắng Xương	1812	1844	10
7	Nguyễn Văn Hiến	Mỹ Chánh	Hải Lăng	1827	1847	11
8	Nguyễn Đức Tư	An Thơ	Hải Lăng	1815	1847	11
9	Lê Thụy	Bích La	Thuận Xương	1842	1875	21
10	Trần Phát	Xuân Mỹ	Mình Linh	1852	1877	21
11	Hoàng Bính	Bích Khê	Thuận Xương	1857	1889	23
12	Lê Phát	Xuân Thành	Gio Linh	1854	1895	25
13	Nguyễn Tự Như	Hà Thượng	Gio Linh	1860	1898	26
14	Nguyễn Hàm	An Cư	Thuận Xương	1882	1910	29

Các vị Tiến sĩ người Thừa Thiên trên bia Văn Miếu Huế

STT	Họ tên	Quê quán		Năm sinh	Năm đậu	Số TT bia
		Làng	Huyện			
1	Phạm Văn Huy	Thiên Lộc	Hương Thủy	1811	1835	5
2	Hoàng Văn Thu	Thiên Tuy	Quảng Điền	1805	1835	5
3	Trần Thời Mẫn	Minh Hương	Hương Trà	1813	1838	6
4	Hoàng Trọng Từ	Nguyệt Biều	Hương Thủy	1810	1838	6
5	Phan Hữu Từ	Phò An	Phú Vang	1815	1842	8
6	Nguyễn Văn Duy	Đường Long	Phong Điền	1809	1842	8
7	Nguyễn Thanh Oai	Kế Môn	Phong Điền	1816	1843	9
8	Hoàng Công Thạnh	La Vân Hạ	Quảng Điền	1822	1844	10
9	Trần Hữu Thụy	Nam Phổ	Phú Vang	1812	1844	10
10	Hoàng Trọng Nguyên	Nguyệt Biều	Hương Thủy	1810	1847	11
11	Thân Trọng Tiết	An Lỗ	Phong Điền	1828	1851	14
12	Nguyễn Thế Trâm	Dương Nỗ	Phú Vang	1829	1851	14
13	Hoàng Văn Tuyển	Mỹ Lợi	Phú Lộc	1824	1851	14
14	Phan Đình Bình	Phú Lương	Quảng Điền	1831	1856	17
15	Hoàng Văn Đoài	Vạn Xuân	Hương Trà	1829	1869	20
16	Hoàng Hữu Thường	Quảng Tế	Hương Thủy	1837	1875	21
17	Cao Đệ	Phước Yên	Quảng Điền	1847	1875	21
18	Trần Hữu Khác	Thạch Bình	Quảng Điền	1851	1877	21
19	Nguyễn Văn Trung	An Nông	Phú Lộc	1851	1880	22
20	Trần Đạo Tiêm	Đông Lâm	Quảng Điền	1859	1889	23
21	Đặng Như Vọng	Thế Chí	Phong Điền	1855	1889	23
22	Tôn Thất Lành	Hệ 7		1861	1889	23
23	Trần Đình Sĩ	Kế Môn	Phong Điền	1858	1895	25
24	Nguyễn Viết Song	Dạ Lê	Hương Thủy	1872	1901	26
25	Lê Hoàn	La Chữ	Hương Trà	1873	1907	28
26	Võ Nhị Cát	Trúc Lâm	Hương Trà	1885	1913	30
27	Phạm Hữu Văn	Nam Trung	Phú Vang	1882	1913	30
28	Bùi Hữu Hữu	An Ninh Thượng	Hương Trà	1880	1919	32

Các vị Tiến sĩ người Quảng Nam trên bia Văn Miếu Huế

STT	Họ tên	Quê quán		Năm sinh	Năm đậu	Số TT bia
		Làng	Huyện			
1	Lê Thiện Trị	Long Phước	Duy Xuyên	1796	1838	6
2	Nguyễn Tường Phổ	Cẩm Phô	Diên Phước	1807	1842	8
3	Phạm Phú Thứ	Đông Bàn	Diên Phước	1820	1843	9
4	Đỗ Thúc Tĩnh	La Châu	Hòa Vang	1818	1848	12
5	Phạm Văn Khuê	Hương Quế	Quế Sơn	1812	1849	13
6	Phạm Như Xương	Ngân Thanh	Diên Phước	1844	1875	21
7	Trần Văn Dư	An Mỹ Tây	Hà Đông	1842	1875	21
8	Nguyễn Thích	Chiên Đàn	Hà Đông	1850	1884	22
9	Hồ Trung Lượng	An Dưỡng	Duy Xuyên	1860	1892	25
10	Phạm Liệu	Trừng Giang	Diên Phước	1873	1898	26
11	Phan Quang	Phước Sơn Thượng	Quế Sơn	1873	1898	26
12	Phạm Tuấn	Xuân Đài	Diên Phước	1852	1898	26
13	Trần Quý Cáp	Bất Nhị	Diên Phước	1870	1904	27
14	Huỳnh Thúc Kháng	Thanh Bình	Hà Đông	1876	1904	27

Các vị Tiến sĩ người Quảng Ngãi trên bia Văn Miếu Huế

STT	Họ tên	Quê quán		Năm sinh	Năm đậu	Số TT bia
		Làng	Huyện			
1	Trương Đăng Trinh	Mỹ Khê Tây	Bình Sơn	1812	1842	8
2	Kiều Lâm	An Đại	Chương Nghĩa	1825	1862	18
3	Tạ Tương	Chánh Lộ	Chương Nghĩa	1857	1892	25
4	Đỗ Quân	Châu Sa	Bình Sơn	1869	1895	25
5	Lê Ngải	Sa Bình	Mộ Đức	1868	1901	26

Những dữ liệu trên cho thấy số lượng Tiến sĩ dưới triều Nguyễn của 5 tỉnh từ Quảng Bình đến Quảng Ngãi được sắp xếp theo thứ tự từ nhiều đến ít như sau:

STT	Tên tỉnh	Số lượng Tiến sĩ
1	Thừa Thiên	28
2	Quảng Bình	24
3	Quảng Trị	14
4	Quảng Nam	14
5	Quảng Ngãi	5

Nhìn vào bảng thống kê này, người ta dễ nghĩ rằng Thừa Thiên là đất học số 1 của vùng Ngũ Quảng, vì số lượng Tiến sĩ ở đây chẳng những nhiều hơn Quảng Bình mà còn gấp đôi Quảng Trị cũng như Quảng Nam, và thậm chí gấp gần 6 lần Quảng Ngãi.

Nhưng, nếu đối chiếu với một bản kiểm kê dân số của các tỉnh ấy vào giữa thế kỷ XIX thì sự xếp hạng số lượng Tiến sĩ của các tỉnh sẽ không phải hoàn toàn như thế.

Thật vậy, Quốc Sử Quán triều Nguyễn cho biết: Theo số liệu do Bộ Hộ dâng lên vua Thiệu Trị vào tháng 4 năm Đinh Mùi (tức là tháng 5/1847) thì dân đinh (nam giới từ 18 tuổi lên đến 55) của 31 tỉnh trên toàn quốc bấy giờ là 1.024.388 người, trong đó, 5 tỉnh từ Quảng Bình đến Quảng Ngãi được ghi nhận như sau:

- Quảng Bình : 22.438 dân đinh.
- Quảng Trị : 33.169 dân đinh.
- Thừa Thiên : 42.751 dân đinh.
- Quảng Nam : 65.468 dân đinh.
- Quảng Ngãi : 25.766 dân đinh.

(Đại Nam thực lục, bản dịch của Viện Sử học, tập XXVI, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1972, tr. 285-287).

Nếu các số liệu trên đây là trung thực với lịch sử, thì tỷ lệ dân đinh so với Tiến sĩ từng tỉnh sẽ như trong bảng đối sánh dưới đây.

Bảng đối sánh tỷ lệ dân đinh và Tiến sĩ từng tỉnh

Tên tỉnh	Quảng Bình	Quảng Trị	Thừa Thiên	Quảng Nam	Quảng Ngãi
Số lượng dân đinh	22.438	33.169	42.751	65.468	25.766
Số lượng Tiến sĩ	24	14	28	14	5
Tỷ lệ dân đinh/TS	934	2.369	1.526	4.676	5.153

Như vậy, ở Quảng Bình, trong 934 dân đình đã có 1 Tiến sĩ, còn ở Thừa Thiên thì trong 1.526 dân đình mới có 1 người đoạt được học vị cao nhất ấy.

Đành rằng Thừa Thiên là đất học và đất khoa bảng dưới triều Nguyễn, vì đây là chốn kinh kỳ, là trung tâm giáo dục cao cấp nhất nước, nơi có trường Quốc Tử Giám được xem là “Trường Đại học Quốc gia”, và là nơi duy nhất triều đình tổ chức những khoa thi Hội, thi Đình, nhưng, đối sánh cụ thể vừa nêu không cho phép nói rằng Thừa Thiên là đất học số 1 của vùng Ngũ Quảng.

Để lý giải vấn đề này một cách khách quan, thiết tưởng cần nêu ra vài ví dụ về số lượng Tiến sĩ bấy giờ ở hai đầu đất nước. Ít ai nghĩ rằng ở 32 tấm bia đá tại Văn Miếu Huế, đã có đến 40 vị Tiến sĩ người “tỉnh” Hà Nội được ghi khắc họ tên, trong khi đó thì toàn bộ “Nam Kỳ lục tỉnh” chỉ có 3 người (Phan Thanh Giản, người tỉnh Vĩnh Long, đậu khoa 1826; Phan Hiển Đạo, người tỉnh Định Tường, đậu khoa 1856; và Nguyễn Chánh, người tỉnh Gia Định, đậu khoa 1862). Sở dĩ có sự chênh lệch lớn lao này (40/3), vì Hà Nội là đất ngàn năm văn hiến, trong khi đó thì tính đến thế kỷ XIX, Nam Kỳ mới chỉ có vài trăm năm lịch sử. Để trở thành đất học, địa phương nào cũng cần phải hội đủ nhiều yếu tố, mà quan trọng nhất là quá trình phát triển giáo dục và truyền thống hiếu học. Hà Nội là cố đô, Nam Kỳ là đất mới.

Tuy giữa Thừa Thiên và Quảng Bình không có sự chênh lệch lớn lao như thế, nhưng vẫn có sự hơn thua nhất định về truyền thống học hành và khoa cử.

Quảng Bình là nơi có được truyền thống hiếu học và học giỏi từ lâu về trước. Sử sách còn ghi rõ tên tuổi của những người Quảng Bình đã đậu Tiến sĩ ngay từ thời Lê - Mạc (thế kỷ XVI) như Dương Văn An (khoa 1547, tác giả sách *Ô Châu cận lục*), Lê Đa Năng (khoa 1565), Nguyễn Trạch (khoa 1580), Phạm Văn Kháng (khoa 1592). Từ thế kỷ XIX trở đi, ở đây có những người hiếu học như Phạm Duy Đôn (người làng Thanh Thủy) mãi đến tuổi 55 vẫn còn dùi mài kinh sử để trả nợ bút nghiên (đậu khoa Nhã sĩ năm 1865). Có những khoa thi Hội như năm 1848 hoặc 1851, riêng tỉnh Quảng Bình mỗi khoa đã có đến 3 vị được ghi tên vào bảng vàng bia đá. Trong một làng văn vật như La Hà đã có đến 5 vị đậu tiến sĩ vào các khoa 1851, 1862, 1892 và 1901. Có những gia đình như của Tiến sĩ Nguyễn Duy Cần ở làng Lý Hòa, ông cháu, anh em đều đậu “đại khoa”. Lại có người thanh niên “nấu sủ sôi kinh” một cách xuất sắc như Nguyễn Duy Phiên (còn đọc là Phồn) mới 23 tuổi (22 tuổi Tây) mà đã đậu đầu khoa thi Hội và thi Đình năm 1907.

Còn ở kinh đô Phú Xuân - Huế, tuy bấy giờ là một trung tâm văn hóa sôi động và là nơi đã tạo ra được một môi trường học thuật có đẳng cấp cao, nhưng phần lớn nhân tài, nguyên khí quốc gia, đều là chất xám hội tụ từ bốn phương trời. Dưới vương triều Nguyễn, ở Thừa Thiên không có những cá nhân đỗ đạt xuất chúng và những gia đình khoa bảng nhiều đời như một số địa phương từ Quảng Bình trở ra ngoài Bắc. Điều này cũng dễ hiểu, có lẽ vì hai lý do. Một là, những người thuộc các gia đình nghèo khổ nếu muốn “đổi đời” thì chỉ có một cách là đi theo con đường học hành và khoa cử. Đây là nguyện vọng và xu hướng ở bất cứ nơi nào trong nước. Trong khi đó, một số thành phần trai trẻ ở kinh đô là “con vua cháu chúa” hoặc “con cha cháu ông”, tức là những “ông hoàng”

hay “cậu ấm” đã được hưởng ân huệ hoặc đặc ân của triều đình và gia tộc, cho nên việc học hành và thi cử không phải là những gì khẩn thiết đối với họ (trừ một trường hợp cụ thể là Tiến sĩ Tôn Thất Lân). Cư trú ở miền Núi Ngự Sông Hương, lại được sống thoải mái trong các gia đình quyền quý với những điều kiện kinh tế sung túc, khi đến tuổi trưởng thành, họ có khuynh hướng sáng tác thơ văn hơn là lui tới ở chốn của Khổng sân Trình và miệt mài với “kinh, sử, tử, tập” để làm nhiệm vụ “cá vượt Vũ Môn”. Lý do thứ hai là truyền thống dài ngắn khác nhau về học hành và khoa bảng của hai địa phương. Trong khi Quảng Bình đã có những người đậu Tiến sĩ ngay từ thời Lê - Mạc (thế kỷ XVI) như trên đã nêu, thì ở Thừa Thiên, mãi đến khoa 1835 mới có hai sĩ tử được ghi tên vào bảng vàng bia đá. Trước và sau cách nhau gần 3 thế kỷ.

Tất nhiên, sau đó, khi chương trình giáo dục đổi thay và quy chế thi cử được thực hiện theo phương thức tiên tiến thì mảnh đất này cũng sản sinh được những nhân tài lỗi lạc mà danh tiếng đã vang xa...

Dù sao, qua phần khảo cứu và một số nhận định trên đây, chúng tôi hy vọng đã định mức tương đối chuẩn xác cho tỉnh nhà trên các nấc thang đất học dưới triều Nguyễn. Từ thực tế ấy, chúng ta cũng cần đối sánh một cách khách quan khối lượng chất xám có được tại chỗ hiện nay so với một số tỉnh thành anh em trong nước. Và, vô hình trung, bài viết này cũng cung cấp những danh mục Tiến sĩ dưới triều Nguyễn cho các tỉnh thuộc vùng Ngũ Quảng, hy vọng hữu ích phần nào cho hậu duệ của các vị ấy và cho những công trình biên soạn địa phương chí liên quan.

P T A

TÓM TẮT

Để tìm hiểu truyền thống hiếu học của tỉnh Thừa Thiên Huế trong lịch sử, tác giả đã tiến hành so sánh số lượng tiến sĩ của 5 tỉnh vùng “Ngũ Quảng” (Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Đức (Thừa Thiên), Quảng Nam và Quảng Ngãi) được khắc trên bia đá ở Văn Miếu Huế. Kết quả cho thấy Thừa Thiên Huế đứng đầu về số lượng Tiến sĩ, nhưng nếu xét theo tỷ lệ Tiến sĩ trên số dân thì Thừa Thiên Huế xếp vị trí thứ hai, sau Quảng Bình. Xét theo tiêu chí này, Quảng Bình mới là đất học số 1 của vùng “Ngũ Quảng”. Theo tác giả, điều này có hai lý do: một là truyền thống học hành thi cử, và hai là động cơ học tập (học để thoát nghèo, học để đỗ đạt ra làm quan).

ABSTRACT

COMPARING THE NUMBER OF DOCTORS IN FIVE “QUẢNG” PROVINCES ON STELAE IN HUẾ TEMPLE OF LITERATURE TO FIND OUT WHERE THE MOST STUDIOUS AREA IS

To learn studious tradition of Thừa Thiên Huế Province in history, the author conducted a comparison of the number of doctors in five “Quảng” provinces (Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Đức (Thừa Thiên), Quảng Nam and Quảng Ngãi) carved on stelae in Huế Temple of Literature. Results shows that Thừa Thiên Huế ranked first on the number of doctors, but considering the proportion of doctors on the population, Thừa Thiên Huế ranked second after Quảng Bình; and, according to this criterion, Quảng Bình was the most studious area of five “Quảng” provinces. In the author’s opinion, the reasons were due to the traditional examination system and the motive of learning (study to escape poverty and to pass competitive examinations in order to become a mandarin).